

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2019.
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Lâm Sơn**.

2. Bà **Phan Thị Nga**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thùy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 440/2018/TLST-DS ngày 13.12.2018 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1971; địa chỉ: số 343 ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1974; Cùng ngụ ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết H trình bày: Bà là chủ dây hụi 3.000.000 đ/ tháng, hụi gồm 26 hụi viên, hụi khai vào ngày 10.9.2017 (âm lịch), bà H tham gia 01 chân, đến ngày 10.2.2018 bà H bỏ 1.550.000 đồng, hốt được số tiền 40.900.000 đồng (đã trừ huê hồng 1.500.000), còn lại số tiền 39.400.000 đồng, bà là người trực tiếp giao

tiền cho bà H, trong lúc giao tiền có mặt ông T chồng bà H, sau khi hết bà H châu được 02 lần hụi chết, còn lại 18 lần hụi chết không châu cho đến nay tổng số tiền là 54.000.000 đồng. Hụi mãi vào ngày 10.10.2019.

Vào ngày 05/4/2018 (al) bà H có đến nhà bà mượn số tiền 10.000.000 đồng, mượn mục đích để đi ghe, hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả lại, nhưng đến nay không trả. Bà H là người trực tiếp giao nhận tiền với bà H. Nay bà yêu ông T, bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi 54.000.000 đồng và tiền vay 10.000.000 đồng. Tổng cộng 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị H đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng ông T, bà H không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Bà H có tham gia dây hụi bà H làm chủ, đã hốt xong, còn nợ lại 54.000.000 đồng. Ngày 05/4/2019, bà H vay bà H số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Nay, bà H yêu cầu bà H và ông T (chồng bà H) liên đới trả 64.000.000 đồng. Rút lại yêu cầu tính lãi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H là phù hợp khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phía bà H, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi giữa bà H và bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, được thể hiện bằng giấy hụi 3.000.000 đồng /tháng, có các hụi viên cùng tham gia và biên nhận nợ ngày 05/4/2019. Do bà H không thực hiện nghĩa vụ của hụi viên và vi phạm trả nợ nên bà H khởi kiện là có căn cứ và phù hợp các Điều 282, 463, 466 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Riêng ông T, tuy không trực tiếp giao dịch với bà H nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại, nên việc bà H yêu cầu bà H cùng ông T liên đới trả nợ là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử các Điều 282, 463, 466, 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết H.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Đặng Văn T liên đới trả bà Lê Thị Tuyết H 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị H cư trú ấp 2, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị H được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[2] Qua lời khai của bà Lê Thị Tuyết H các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa bà với ông T, bà H có ký kết hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, do đến kỳ hạn thanh toán tiền hụi chết, tiền vay nhưng ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ giao số tiền trên cho bà Tuyết H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, 463, 466, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông T, bà H là vợ chồng, trong thời kỳ hôn nhân căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông T, bà H phải có nghĩa vụ liên đới trong việc nợ chung của vợ chồng

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tuyết H buộc ông T, bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền hụi 54.000.000 đồng và tiền vay 10.000.000 đồng. Tổng cộng 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Tại phiên Tòa, bà Lê Thị Tuyết H rút lại yêu cầu tính lãi suất. Đây là sự tự nguyện của đương sự, nghĩ nên đình chỉ đối với yêu cầu này phù hợp Điều 217, Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 282, 463, 466, 468, Điều 471 Bộ luật dân sự.
- Các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 71, 144, 146, 147, 217, 219, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết H.

- Buộc ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Tuyết H số tiền hui 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng) và tiền vay 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tổng cộng 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị Tuyết H đối với ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị H.

Về án phí:

Ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Tuyết H được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000419 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

